

Số: 0207.01/2019/HĐKT-NVT2

Hà Nội, ngày 02 tháng 07 năm 2019

## **HỢP ĐỒNG KIỂM TOÁN**

*(V/v: Soát xét BCTC 06 tháng đầu năm và kiểm toán BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Quang)*

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005;
- Căn cứ Luật Kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 ngày 29/03/2011;
- Căn cứ Nghị định 17/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kiểm toán độc lập;
- Căn cứ Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 210 về Hợp đồng kiểm toán;
- Căn cứ Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 2410 về Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện;
- Căn cứ vào yêu cầu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Quang;

Hôm nay, ngày 02 tháng 07 năm 2019, chúng tôi gồm có:

**BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN QUANG** (Dưới đây gọi tắt là Bên A)

Đại diện : Ông NGUYỄN VĂN QUẢNG  
Chức vụ : Tổng Giám đốc  
Địa chỉ : Thôn An Lạc, Xã Trung Trắc, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên.  
Điện thoại : (84-0321) 3997185 Fax: (84-0321) 3980908  
Mã số thuế : 0900233261

**BÊN B: CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT** (Dưới đây gọi tắt là Bên B)

Đại diện : Bà NGUYỄN THỊ HẠNH  
Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc (Đại diện pháp luật theo giấy Ủy quyền số 0201.01/2019/NVT2-UQ ngày 02 tháng 01 năm 2019)  
Địa chỉ : Số 8, phố Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.  
Điện thoại : (024) 3761 3399; Fax: (024) 3761 5599  
Mã số thuế : 0102038482  
Tài khoản số : 21997799 Tại Ngân hàng ACB – CN Cửa nam – Hà Nội

**Sau khi bàn bạc và thương lượng, hai bên cùng nhau thỏa thuận ký kết hợp đồng gồm các điều khoản sau:**

## **Điều 1. Nội dung hợp đồng**

Bên B đồng ý cung cấp cho Bên A các dịch vụ sau:

- Dịch vụ soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019. Dịch vụ soát xét được thực hiện với mục tiêu đưa ra ý kiến nhận xét về Báo cáo tài chính của Bên A trên cơ sở kết quả thực hiện công tác soát xét.
- Dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019, Dịch vụ kiểm toán được thực hiện với mục tiêu đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính của Bên A.

Các báo cáo tài chính được kiểm toán và soát xét bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Báo cáo tài chính được lập phù hợp các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Việc kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, Bên B sẽ kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam.

## **Điều 2. Trách nhiệm của các Bên**

### **2.1. Trách nhiệm của Bên A:**

Cuộc kiểm toán của Bên B sẽ được thực hiện trên cơ sở Ban Tổng Giám đốc hiểu và thừa nhận có trách nhiệm:

- Đối với việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực và hợp lý, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính được áp dụng;
- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Đảm bảo cung cấp kịp thời cho Bên B:
  - (i) Quyền tiếp cận với tất cả các tài liệu, thông tin mà Ban Tổng Giám đốc nhận thấy là có liên quan đến quá trình lập và trình bày báo cáo tài chính như chứng từ kế toán, sổ kế toán, tài liệu và các vấn đề khác;
  - (ii) Các thông tin bổ sung mà kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán yêu cầu Ban Tổng Giám đốc cung cấp hoặc giải trình để phục vụ cho mục đích của cuộc kiểm toán;
  - (iii) Quyền tiếp cận không hạn chế đối với nhân sự của Bên A mà kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán xác định là cần thiết để thu thập bằng chứng kiểm toán. Bố trí nhân sự liên quan cùng làm việc với Bên B trong quá trình kiểm toán.

Ban Tổng Giám đốc Bên A có trách nhiệm cung cấp và xác nhận bằng văn bản về các giải trình đã cung cấp trong quá trình kiểm toán vào “Thư giải trình của Ban Tổng Giám đốc”, một trong những yêu cầu của chuẩn mực kiểm toán Việt Nam,

trong đó nêu rõ trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Bên A trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và khẳng định rằng ảnh hưởng của từng sai sót, cũng như tổng hợp các sai sót không được điều chỉnh do Bên B phát hiện và tổng hợp trong quá trình kiểm toán cho kỳ hiện tại và các sai sót liên quan đến các kỳ trước là không trọng yếu đối với tổng thể báo cáo tài chính.

Tạo điều kiện thuận tiện cho các nhân viên của Bên B trong quá trình làm việc tại Văn phòng của Bên A.

Thanh toán đầy đủ phí dịch vụ kiểm toán và các phí khác (nếu có) cho Bên B theo quy định tại Điều 4 của hợp đồng này.

## *2.2. Trách nhiệm của Bên B:*

Bên B sẽ thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, pháp luật và các quy định có liên quan. Các chuẩn mực kiểm toán này quy định Bên B phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính, xét trên phương diện tổng thể, có còn sai sót trọng yếu hay không. Trong cuộc kiểm toán, Bên B sẽ thực hiện các thủ tục để thu thập bằng chứng kiểm toán về số liệu và thông tin trình bày trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được thực hiện tùy thuộc vào đánh giá của kiểm toán viên, bao gồm việc đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc do nhầm lẫn. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá sự phù hợp của các chính sách kế toán đã được sử dụng và các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính.

- Bên B có trách nhiệm thông báo cho Bên A về nội dung và kế hoạch kiểm toán, cử kiểm toán viên và các trợ lý có năng lực và kinh nghiệm thực hiện kiểm toán.
- Bên B thực hiện công việc kiểm toán theo nguyên tắc độc lập, khách quan và bảo mật số liệu. Theo đó Bên B không được quyền tiết lộ cho bất kỳ một bên thứ ba nào mà không có sự đồng ý của Bên A, ngoại trừ theo yêu cầu của pháp luật và các quy định có liên quan, hoặc trong trường hợp những thông tin như trên đã được các cơ quan quản lý Nhà nước phổ biến rộng rãi hoặc đã được Bên A công bố.
- Bên B có trách nhiệm yêu cầu Bên A xác nhận các giải trình đã cung cấp cho Bên B trong quá trình thực hiện kiểm toán. Theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, việc đáp ứng các yêu cầu này và Thư giải trình của Ban Tổng Giám đốc về những vấn đề liên quan là một trong những cơ sở để Bên B đưa ra ý kiến của mình về báo cáo tài chính của Bên A.
- Do những hạn chế vốn có của kiểm toán cũng như của kiểm soát nội bộ, có rủi ro khó tránh khỏi là kiểm toán viên có thể không phát hiện được các sai sót trọng yếu, mặc dù cuộc kiểm toán đã được lập kế hoạch và thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.
- Để đánh giá rủi ro, Bên B sẽ xem xét kiểm soát nội bộ mà Bên A sử dụng trong quá trình lập báo cáo tài chính để thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp trong từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ của Bên A. Tuy nhiên, Bên B sẽ thông báo tới Bên A bằng văn bản về các khiếm khuyết nghiêm trọng trong kiểm soát nội bộ mà Bên B phát hiện được trong quá trình kiểm toán báo cáo tài chính.

## **Điều 3. Báo cáo kiểm toán và báo cáo soát xét**

- Sau khi kết thúc đợt kiểm toán, Bên B sẽ cung cấp cho bên A các báo cáo bằng Tiếng Việt, với số lượng như sau:

Tên Báo cáo	Số lượng	Giao cho Bên A
Báo cáo soát xét về Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2019 của Bên A	8 bộ	6 bộ
Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính năm 2019 của Bên A	8 bộ	6 bộ
Thư quản lý (nếu có)	4 bộ	3 bộ

- Báo cáo kết quả công tác soát xét sẽ được lập bằng văn bản, gồm các nội dung theo quy định của Luật kiểm toán độc lập, Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910, các chuẩn mực kiểm toán và quy định pháp lý khác có liên quan.
- Báo cáo kiểm toán sẽ được lập bằng văn bản, gồm các nội dung theo quy định của Luật kiểm toán độc lập, Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 700, số 705 và số 706, các chuẩn mực kiểm toán và quy định pháp lý khác có liên quan.
- Trong trường hợp Bên A dự định phát hành báo cáo kiểm toán của Bên B dưới bất kỳ dạng tài liệu nào, hoặc phát hành các tài liệu trong đó có các thông tin về Báo cáo tài chính đã được kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc Bên A đồng ý rằng họ sẽ cung cấp cho Bên B một bản của tài liệu này và chỉ phổ biến rộng rãi các tài liệu này sau khi có sự đồng ý của Bên B bằng văn bản.

#### **Điều 4. Phí dịch vụ và phương thức thanh toán**

##### **4.1. Phí dịch vụ**

Phí kiểm toán BCTC năm 2019	66.000.000	VND
Thuế GTGT (10%)	6.000.000	VND
<b>Tổng giá trị hợp đồng:</b>	<b>72.000.000</b>	<b>VND</b>

**(Bằng chữ: Bảy mươi hai triệu đồng chẵn).**

##### **4.2. Phương thức thanh toán:**

- Lần 1: Bên A thanh toán cho Bên B 50% giá trị hợp đồng sau khi ký hợp đồng, số tiền **36.300.000VND (Bằng chữ: Ba mươi sáu triệu ba trăm nghìn đồng chẵn./.)**
- Lần 2: Thanh toán 50% giá trị hợp đồng còn lại khi Bên B hoàn thành phát hành Báo cáo kiểm toán.
- Phí kiểm toán được thanh toán bằng chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản của Bên B.
- Bên B sẽ phát hành hóa đơn GTGT cho bên A phù hợp với quy định của pháp luật thuế hiện hành.

**Điều 5. Cam kết thực hiện**

- Hai bên cam kết thực hiện tất cả các điều khoản đã ghi trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, hai bên phải kịp thời thông báo cho nhau để cùng tìm phương án giải quyết. Mọi thay đổi phải được thông báo trực tiếp cho mỗi bên bằng văn bản (hoặc qua email) theo địa chỉ trên đây.
- Thời gian hoàn thành cuộc kiểm toán dự kiến là 30 ngày kể từ ngày bắt đầu thực hiện cuộc kiểm toán với điều kiện bên A thực hiện đầy đủ các trách nhiệm của mình đã nêu tại Điều 2 ở trên.
- Mọi tranh chấp hoặc khiếu kiện phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng sẽ được giải quyết bằng thương lượng hoặc theo Bộ luật dân sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và tại tòa án kinh tế do hai bên lựa chọn.

**Điều 6. Hiệu lực, ngôn ngữ và thời hạn hợp đồng**

Hợp đồng này có 05 (năm) trang được lập thành 04 (bốn) bản tiếng Việt có giá trị như nhau, bắt đầu có hiệu lực từ ngày có đủ hai chữ ký, con dấu của cả hai bên, Bên A giữ 02 (hai) bản, Bên B giữ 02 (hai) bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A *VQ*  
**CÔNG TY CỔ PHẦN  
TẬP ĐOÀN THIÊN QUANG**  
Tổng Giám đốc



**Nguyễn Văn Quảng**

ĐẠI DIỆN BÊN B *TH*  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN  
NHÂN TÂM VIỆT**  
Phó Tổng Giám đốc



**Nguyễn Thị Hạnh**